

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày 06-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hà

Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Ái Th, sinh năm 1984 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: số 61 đường AB, Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: kế toán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Võ Thị Thu S; chồng: Nguyễn Thanh M; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo:* luật sư Đàm Trung Th (Có mặt), luật sư Nguyễn Tuyết Ng (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt), luật sư Lê Minh Nh (Có mặt) – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.;

- *Bị hại:* Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Kiều O – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chánh T – Chức vụ: Phó Giám đốc; (Có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH may mặc S - Bến Tre;

Địa chỉ: ấp AB, xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300928111;

Đại diện theo pháp luật: ông KT, sinh năm 1957 (quốc tịch Nhật Bản) - Tổng Giám đốc Công ty;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phạm Thị Kim Ch, sinh năm 1979; nơi cư trú: 305/17/1, khu phố H, Phường N, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang; là Chủ tịch công đoàn cơ sở của công ty (Theo giấy ủy quyền số 04/2022/UQ-SWBT của Tổng Giám đốc); (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* luật sư Lê Văn S- Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ đầu năm 2019 đến quý I/2021, Trần Ái Th – Kế toán trưởng kiêm Thủ quỹ Công ty TNHH may mặc S - Bến Tre (Công ty A) địa chỉ ấp An Bình, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, đã tự lập danh sách hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức sau khi sinh cho 37 trường hợp người lao động làm việc tại Công ty S (thực tế những người này không có đơn xin nghỉ và đi làm bình thường), vào chung danh sách đề nghị cho người lao động hưởng chế độ ốm đau, nghỉ thai sản, dưỡng sức sau khi sinh. Sau đó Th dùng mặt khẩu, con dấu và chữ ký số điện tử của ông KT - Tổng Giám đốc Công ty S ký tên vào danh sách đề nghị gửi về Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre. Sau khi Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre chuyển tiền hưởng chế độ trên về tài khoản Công ty S để chi trả cho người lao động trong đó có 37 trường hợp nêu trên, thì Th lập séc trình ông KT ký rút tiền từ ngân hàng về chi trả chế độ ốm đau, nghỉ thai sản cho người lao động. Còn số tiền nghỉ dưỡng sức sau khi sinh thì Th lập sổ theo dõi riêng và sử dụng vào mục đích cá nhân, với số tiền 94.305.000đ. Cụ thể: Năm 2019; 04 lần với số tiền 43.794.000 đồng, năm 2020; 04 lần với số tiền 32.184.000 đồng, năm 2021; 01 lần với số tiền 18.327.000 đồng.

Đến tháng 5/2021, những người lao động phát hiện được hưởng số tiền nghỉ dưỡng sức sau khi sinh trên hệ thống bảo hiểm điện tử nhưng thực tế không được nhận nên gặp Th để hỏi. Sau đó Th báo cáo Tổng Giám đốc Công ty S do không am hiểu pháp luật về thực hiện chế độ bảo hiểm, làm sai và đề nghị chuyển trả số tiền 94.305.000 đồng về Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre (do lúc này trong tài khoản Công ty S đã có tiền). Sau đó Th nộp tiền mặt vào quỹ Công ty S đúng như số tiền mà Công ty S chuyển trả cho Bảo hiểm xã hội huyện CT.

Ông Kazuo Tsukane không biết Th lập khống và sử dụng tiền 37 trường hợp người lao động nghỉ dưỡng sức sau khi sinh mà Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre đã chi trả.

Tại Bản cáo trạng số 13/CT-VKSBT-P1 ngày 10/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Ái Th về “Tội gian lận bảo hiểm xã hội” theo điểm a khoản 1 Điều 214 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với kết quả điều tra và nội dung bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo Trần Ái Th là kế toán kiêm thủ quỹ của công ty S, trong khoảng thời gian từ đầu năm 2019 đến quý I năm 2021, bị cáo đã 9 lượt lập khống nội dung người lao động nghỉ dưỡng sức sau khi sinh để chiếm đoạt của Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre, với tổng số tiền 94.305.000đ (chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng. Bị cáo bị một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên; được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả, có con nhỏ. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 214; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS 2015 phạt tiền đối với bị cáo Trần Ái Th từ 60.000.000-80.000.000 (sáu mươi triệu đến tám mươi triệu) đồng.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ái Th trình bày nội dung tranh luận: không tranh luận về tội danh và điều khoản áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng theo đề nghị của Kiểm sát viên thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Mặt khác, ngoài số tiền bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho Bảo hiểm xã hội thì bị cáo còn tự nguyện sử dụng tiền cá nhân chi trả cho 37 trường hợp người lao động với tổng số tiền 94.305.000 (chín mươi bốn triệu ba trăm lẻ năm ngàn) đồng mặc dù người lao động trong trường hợp này không được hưởng. Đề nghị áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính với mức phạt 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Bị hại không tham gia tranh luận.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan công ty S: Bị cáo đã giả mạo chữ ký của tổng Giám đốc lập văn bản gửi Bảo hiểm xã hội gây tai tiếng cho Công ty S, cho rằng phía công ty không chi trả tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động. Bị cáo sử dụng tiền của công ty để chuyển trả cho Bảo hiểm xã hội huyện CT chứ không phải lấy tiền cá nhân để bồi thường nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả. Bị cáo chưa thành khẩn khai báo và cũng chưa ăn năn hối cải do trước ngày mở phiên tòa, bị cáo đã xóa một số dữ liệu trên máy tính của công ty và bị công ty lập biên bản nhắc nhở.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo không bao giờ muốn làm thiệt hại hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín của công ty. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt nhẹ nhất để tạo điều kiện bị cáo nuôi con nhỏ, nuôi dưỡng cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bến Tre, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính nên trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến quý I năm 2021, tại Công ty S, địa chỉ: ấp AB, xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre, Trần Ái Th là kế toán kiêm thủ quỹ của công ty đã 09 lần lập không hồ sơ cho 37 trường hợp người lao động để hưởng chế độ nghỉ dưỡng sau khi sinh (người lao động không viết đơn xin nghỉ sau khi sinh, không thông qua danh sách nghỉ cho ban chấp hành công đoàn cơ sở của công ty), chiếm đoạt tiền của Bảo hiểm xã hội huyện CT, tỉnh Bến Tre tổng số tiền 94.305.000 đồng.

Bị cáo là thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhận thức được hành vi lập hồ sơ bảo hiểm xã hội giả lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội chiếm đoạt tiền bảo hiểm xã hội là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi

bất chính bị cáo đã cố ý 09 lần thực hiện hành vi trên, chiếm đoạt tổng số tiền 94.305.000 đồng của Bảo hiểm xã hội huyện CT. Vì vậy cáo trạng đã truy tố bị cáo Trần Ái Th về “Tội gian lận bảo hiểm xã hội” với tình tiết định khung “lập hồ sơ giả hoặc làm sai lệch nội dung hồ sơ bảo hiểm xã hội lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 214 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, gây thiệt hại về tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến chế độ an sinh xã hội, chế độ bảo hiểm của nhà nước, gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần trừng trị nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng “phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; tự nguyện khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con nhỏ chưa thành niên, quá trình công tác đã lập thành tích được giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Bến Tre tặng giấy khen; bị cáo phạm tội nhưng thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng hành vi phạm tội của bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung, đồng thời cũng thể hiện tinh thần nhân đạo của pháp luật. Do hình phạt chính được áp dụng đối với bị cáo là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 4 Điều 214 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên bị cáo phạm tội khi đang đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng, kiêm thủ quỹ của Công ty S, bị cáo đã lợi vị trí kế toán, kiêm thủ quỹ, lấy danh nghĩa công ty có hành vi gian lận chiếm đoạt số tiền 94.305.000 đồng của Bảo hiểm xã hội huyện CT. Vì vậy để tăng cường hiệu quả của hình phạt chính đã áp dụng đối với bị cáo đồng thời loại bỏ điều kiện cho việc bị cáo sẽ thực hiện hành vi phạm tội lại nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định trong thời gian nhất định trong thời gian 05 năm theo quy định tại khoản 4 Điều 214 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Luận tội và tranh luận của Kiểm sát viên: đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo từ 60.000.000đ đến 80.000.000đ (sáu mươi triệu đến tám mươi triệu) đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

Ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo: đề nghị ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị thì bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng để đề nghị xử phạt bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là chưa đúng vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên không áp dụng giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Vì vậy, đề nghị xử phạt bị cáo 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là chưa tương xứng với

tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ái Th phạm “Tội gian lận bảo hiểm xã hội”;

Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 214; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35, Điều 41 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Ái Th 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, để nộp vào ngân sách nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định (Kế toán trưởng, Thủ quỹ) trong thời gian 05 (năm) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bị cáo Trần Ái Th phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Cục THADS tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng HSNV - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Bị cáo (1b);
- Bị hại (1b);
- NCQLNVLQ (1b);
- UBND Phường B, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (1b);
- Thi hành án hình sự - TAND tỉnh (3b);
- Lưu: hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, P.KTNV, VP (8b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Quang Sơn